

## CÔNG KHAI TÀI CHÍNH

Ngày 21 tháng 04 năm 2026

STT	Diễn giải	Đơn vị tính	Tổng Cộng		
			Đơn giá	Số lượng	Thành tiền
1	2	3	4	5	6
Hôm trước chuyển sang					0
Suất ăn và tiêu chuẩn trong ngày			20,000	282	5,640,000
Được chi trong ngày					5,640,000
Đã chi trong ngày					5,640,000
<b>1. Dịch vụ</b>					<b>423,000</b>
1	chất đốt		1,500	282	423,000
<b>2. Kho</b>					<b>1,172,940</b>
<b>Ăn chính</b>					<b>1,172,940</b>
1	Dầu lạc	Kg	120,000	0.8	96,000
2	Lạc hạt	Kg	80,000	5	400,000
3	Bột canh	Gói	4,000	4	16,000
4	Hạt nêm Aji-ngon	Kg	62,000	0.6	37,200
5	Dầu simply	Lít	68,000	2.4	163,200
6	Gạo tẻ	Kg	15,500	26.8	415,400
7	Nước mắm cá loại I	Chai	74,000	0.61	45,140
<b>3. Đi chợ</b>					<b>4,044,060</b>
<b>Ăn chính</b>					<b>4,044,060</b>
1	Bí ngô (bí đỏ)	Kg	10,000	6	60,000
2	Cà chua	Kg	20,000	2	40,000
3	Bắp cải	Kg	10,000	12.2	122,000
4	Hành củ tươi	Kg	35,000	0.7	24,500
5	Rau mồng tơi	Kg	20,000	4.1	82,000
6	Cá thu	Kg	230,000	10.5	2,415,000
7	Nghêu	Kg	25,000	7	175,000
8	Trứng gà	Quả	4,100	50	205,000
9	Lá chanh	Kg	1,000	1.56	1,560
10	Hành lá	Kg	35,000	1	35,000
11	Thịt lợn nạc	Kg	130,000	5.1	663,000
12	Bầu xanh	Kg	15,000	3	45,000
13	Miến gạo	Gói	22,000	8	176,000
Chênh lệch cuối ngày					0

Kế toán

Vũ Thị Na

Phó hiệu trưởng

Ngô Thị Phương Thảo

